UBND TỈNH QUẢNG TRỊ **SỞ CÔNG THƯƠNG** Số: 141 /TB-SCT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Trị, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO
Danh mục thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BCT ngày 15/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Sở Công Thương thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân về việc triển khai thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý, giải quyết của Sở như sau:

1. Tổng số thủ tục hành chính

Tổng số **291** thủ tục, bao gồm:

- Cấp tỉnh: **283** TTHC (180 DVCTT toàn trình và 103 DVCTT một phần)

- Cấp xã: **08** TTHC (03 DVCTT toàn trình và 05 DVCTT một phần)

(Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Về việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến: Sở Công Thương khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân ưu tiên lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến khi có nhu cầu giải quyết TTHC ngành Công Thương, nhằm tối ưu hóa thời gian và chi phí thực hiện. Các dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn

3. Công tác phối hợp và hỗ trợ thực hiện: Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần được hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên hệ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Cơ sở 1: Số 96 đường Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. Điện thoại: 0232.3812.812; Cơ sở 2: Số 45 đường Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Điện thoại: 0233.3636.999)* hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các xã, phường để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

Sở Công Thương trân trọng thông báo và rất mong nhận được sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT,VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Đào Anh Tuấn

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH CÔNG THƯƠNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CẤP TỈNH

(Kèm theo Thông báo số 141/TB-SCT ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
		Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện		
1.	1.013400	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
2.	1.013399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
3.	1.013398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
4.	2.001384	Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện		**x**
5.	2.001322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
6.	2.001313	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
7.	2.001300	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
8.	2.001292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
		Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
9.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		**x**
10.	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		**x**
11.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm		**x**
12.	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		**x**
13.	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm		**x**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
14.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm		x
15.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm		x
16.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm		x
17.	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm		x
18.	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm		x
		Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động		
19.	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên		x
20.	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên		x
		Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
21.	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	x	
		Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa		
22.	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia		x
		Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ		
23.	1.014818	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x
24.	1.014820	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x
25.	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa		x
		Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
26.	1.001335	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	x	
27.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	x	
28.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá	x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
		xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu		
29.	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	**x**	
30.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	**x**	
31.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	**x**	
32.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	**x**	
		Lĩnh vực Dầu khí		
33.	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
		Lĩnh vực Điện		
34.	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
35.	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	**x**	
36.	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
37.	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
38.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)		**x**
39.	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
40.	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
41.	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
42.	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
		Lĩnh vực Điện lực		
43.	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	**x**	
44.	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	**x**	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
45.	2.002676	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	x	
46.	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	x	
47.	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	x	
48.	3.000619	Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	x	
49.	3.000620	Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	x	
		Lĩnh vực Giám định thương mại		
50.	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại		x
51.	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại		x
		Lĩnh vực Hoá chất		
52.	1.014734	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	x	
53.	1.014732	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2		x
54.	1.014733	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2		x
55.	1.014730	Thủ tục cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	x	
56.	2.002836	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	x	
57.	1.014726	Thủ tục cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x	
58.	1.014723	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh		x
59.	1.014708	Thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	x	
60.	1.014707	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	x	
61.	1.014700	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	x	
62.	1.014724	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x	
63.	1.014722	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy	x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
		ban nhân dân cấp tỉnh		
64.	1.014721	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện		**x**
65.	1.014713	cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý		**x**
66.	1.014711	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý		**x**
67.	1.014703	cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	**x**	
68.	1.014702	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	**x**	
69.	1.014735	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2		**x**
70.	1.014729	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	**x**	
71.	1.014720	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện		**x**
72.	1.014712	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý	**x**	
73.	1.014710	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện		**x**
74.	1.014701	cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	**x**	
75.	1.014731	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	**x**	
76.	1.014728	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2		**x**
77.	1.014727	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh		**x**
78.	1.014725	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	**x**	
79.	1.014714	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện		**x**
80.	2.002834	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều	**x**	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
		kiện		
81.	1.014709	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	**x**	
82.	1.003683	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất		**x**
		Lĩnh vực Hội nhập kinh tế quốc tế		
83.	1.115397	Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	**x**	
84.	1.115398	Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	**x**	
		Lĩnh vực Khoáng sản		
85.	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản		**x**
86.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản		**x**
87.	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản		**x**
88.	1.013652	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
		Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
89.	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	**x**	
90.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu		**x**
91.	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	**x**	
92.	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	**x**	
93.	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	**x**	
94.	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	**x**	
95.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		**x**
96.	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	**x**	
97.	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	**x**	
		Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp		

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
98.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	x	
99.	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	x	
100.	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	x	
101.	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	x	
102.	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương		x
103.	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	x	
		Lĩnh vực Sở giao dịch hàng hóa		
104.	2.002817	Cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam		x
105.	1.014572	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam		x
106.	1.014571	Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam		x
		Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý		
107.	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý		x
		Lĩnh vực Thương mại biên giới và miền núi		
108.	2.001272	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	x	
		Lĩnh vực Thương mại điện tử		
109.	1.115417	Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	x	
110.	1.115418	Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	x	
111.	1.115419	Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	x	
112.	1.115420	Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	x	
113.	1.115421	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	x	
114.	1.115422	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	x	
		Lĩnh vực Thương mại quốc tế		

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
115.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	**x**	
116.	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	**x**	
117.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	**x**	
118.	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	**x**	
119.	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	**x**	
120.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	**x**	
121.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	**x**	
122.	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	**x**	
123.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	**x**	
124.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	**x**	
125.	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	**x**	
126.	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	**x**	
127.	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	**x**	
128.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	**x**	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
129.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	x	
130.	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x	
131.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	x	
132.	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	x	
133.	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	x	
134.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	x	
135.	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x	
136.	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x	
137.	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x	
138.	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x	
139.	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x	
140.	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x	
		Lĩnh vực Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm		
141.	1.014968	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	x	
142.	1.014969	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	x	
143.	1.014967	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	x	
144.	1.013351	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8		x
145.	1.013350	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8		x
146.	1.013340	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8		x

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
		Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
147.	1.013050	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp		**x**
148.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
149.	1.013049	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp		**x**
150.	2.001575	Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp		**x**
151.	1.003698	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp		**x**
152.	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
153.	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
154.	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		**x**
155.	1.000998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		**x**
156.	1.000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		**x**
157.	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp		**x**
158.	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		**x**
159.	2.000210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp		**x**
160.	2.000172	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		**x**
161.	2.000578	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp	**x**	
		Lĩnh vực Xuất nhập khẩu		
162.	1.002939	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới		**x**
163.	1.115117	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu UAE-VN	**x**	
164.	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	**x**	
165.	1.014119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	**x**	
166.	1.013982	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng	**x**	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
		của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt nam		
167.	1.013771	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	**x**	
168.	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	**x**	
169.	1.012527	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA	**x**	
170.	1.012168	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	**x**	
171.	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	**x**	
172.	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	**x**	
173.	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK	**x**	
174.	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	**x**	
175.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	**x**	
176.	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	**x**	
177.	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	**x**	
178.	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	**x**	
179.	2.001315	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục	**x**	
180.	2.001282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	**x**	
181.	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	**x**	
182.	2.001192	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	**x**	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
183.	1.002808	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài	**x**	
184.	1.001382	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**x**	
185.	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	**x**	
186.	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	**x**	
187.	2.000521	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia	**x**	
188.	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	**x**	
189.	2.000517	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	**x**	
190.	1.001051	Cấp giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý	**x**	
191.	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	**x**	
192.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	**x**	
193.	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	**x**	
194.	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	**x**	
195.	1.000678	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia	**x**	
196.	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	**x**	
197.	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	**x**	
198.	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	**x**	
199.	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	**x**	
200.	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	**x**	
201.	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	**x**	
202.	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	**x**	
203.	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	**x**	
204.	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	**x**	
205.	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	**x**	
206.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	**x**	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
207.	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	**x**	
208.	1.000264	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khâu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	**x**	
209.	2.000006	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của Công hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	**x**	
210.	1.116351	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa	**x**	
211.	1.116562	Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP	**x**	
212.	1.116563	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP	**x**	
213.	1.000658	Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP	**x**	
214.	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	**x**	
215.	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	**x**	
216.	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	**x**	
217.	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	**x**	
218.	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	**x**	
219.	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	**x**	
220.	1.001379	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**x**	
221.	2.000654	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**x**	
222.	2.000303	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	**x**	
223.	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	**x**	
224.	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	**x**	
225.	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	**x**	
226.	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	**x**	
227.	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	**x**	
228.	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	**x**	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
229.	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	x	
230.	1.000421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	x	
231.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	x	
		Lĩnh vực Xúc tiến thương mại		
232.	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.		x
233.	2.002605	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.		x
234.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.		x
235.	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.		x
236.	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.		x
237.	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	x	
238.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	x	
239.	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	x	
240.	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	x	
241.	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	x	
242.	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	
243.	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x	
244.	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	x	
245.	1.115399	Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	x	
246.	1.115400	Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	x	
		Lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ		
247.	1.012471	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực		x

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
		nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh		
		Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản		
248.	1.116644	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	**x**	
249.	1.116645	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
250.	1.116646	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm	**x**	
251.	1.116647	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	**x**	
252.	1.116648	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	**x**	
253.	1.116649	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	**x**	
254.	1.116650	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
255.	1.116651	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	**x**	
256.	1.116652	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
257.	1.116653	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản		**x**
258.	1.116654	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản		**x**
259.	1.116655	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản		**x**
260.	1.116656	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản		**x**
261.	1.116657	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản		**x**
262.	1.116658	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
263.	1.116659	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
264.	1.116660	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
265.	1.116661	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
266.	1.116662	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
267.	1.116680	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
268.	1.116663	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
269.	1.116664	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản		**x**
270.	1.116665	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt		**x**
271.	1.116666	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản		**x**
272.	1.116667	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản		**x**
273.	1.116668	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		**x**
274.	1.116669	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		**X**
275.	1.116670	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		**X**
276.	1.116671	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		**X**
277.	1.116672	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản		**x**
278.	1.116673	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	**x**	
279.	1.116674	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
280.	1.116675	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản		**x**
281.	1.116676	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	**x**	
282.	1.116677	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	**x**	
		Lĩnh vực Cụm công nghiệp		
283.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp		**x**

(Danh sách gồm 283 DVCTT: 180 toàn trình, 103 Một phần)

Phụ lục 2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH CÔNG THƯƠNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CẤP XÃ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SCT ngày tháng 10 năm 2026 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Một phần
Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện				
1	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã		**x**
Lĩnh vực Điện lực				
2	1.115377	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	**x**	
Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý				
3	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		**x**
4	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		**x**
Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng				
5	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	**x**	
Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản				
6	1.116678	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	**x**	
7	1.116679	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		**x**
Lĩnh vực Cụm công nghiệp				
8	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp		**x**

(Danh sách gồm 08 DVCTT, 03 toàn trình, 05 một phần)